

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 14 tháng 5 năm 2025
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tấn Tài

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 208/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B1 (BV B2);

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà H, D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 718/25/BVBank/UQ-QL&THN ngày 13/5/2025): Bà Phan Thị Kim T1, sinh năm 1999; bà Kha Cẩm P, sinh năm 1990; ông Trần Thái B, sinh năm 1987 (*Bà Phan Thị Kim T1 có mặt; những người ủy quyền khác vắng mặt*).

Địa chỉ liên hệ: số E L, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971; (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: C C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2024, các Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện các ngày 29/11/2024, 28/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 (sau đây gọi tắt là BV B2) có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thu T2 (trong quá trình giải quyết vụ án) và bà Phan Thị Kim T1 (tại phiên tòa sơ thẩm) trình bày:

Ngày 11/08/2017, BV B2 và ông Nguyễn Văn V thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN để vay số tiền 703.000.000 đồng, với mục đích mua ô tô, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay 10,2% trong ba tháng đầu tiên, có điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng 4 với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh của VCCB + biên độ 3,8%/năm, lãi xuất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Ngày 14/8/2017, BV B2 đã giải ngân số tiền 703.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn V theo Giấy nhận nợ số 01/0714/00317/TDTL-CN bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty CP Ô theo thỏa thuận tại mục 02 của giấy nhận nợ. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi các Đơn vị kinh doanh của Ngân hàng đã làm thất lạc bản chính giấy nhận nợ số 01/0714/00317/TDTL-CN nên phía ngân hàng chỉ cung cấp được bản có đóng dấu của ngân hàng. Tuy nhiên, phía ngân hàng có cung cấp thêm sao kê số phụ tiền gửi có chứng minh việc giải ngân cho ông Nguyễn Văn V.

Ngày 16/8/2017, BV B2 và ông Nguyễn Văn V có thỏa thuận ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng của V2, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017, ông Nguyễn Văn V đã trả được cho BV B2 tổng số tiền là 149.988.108 đồng, trong đó tiền gốc đã trả là 84.000.000 đồng và tiền lãi đã trả là 65.988.108 đồng.

Do ông Nguyễn Văn V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017 nên ngày 26/6/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 619.000.000 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) và lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm.

Tạm tính đến ngày 04/9/2024, tổng nghĩa vụ nợ của ông Nguyễn Văn V tại BV B2 phát sinh từ hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017 là 1.320.192.285 đồng. Trong đó nợ gốc là 619.419.318 đồng; Nợ lãi 700.772.967 đồng (bao gồm lãi trong hạn, lãi chậm trả, lãi quá hạn và lãi cơ cấu).

Ngày 29/11/2024, BV B2 có “Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện” đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng của V2, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng.

Ngày 28/02/2025, BV B2 có “Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện” đối với phần lãi cơ cấu 4.562.008 đồng.

Tạm tính đến ngày 14/5/2025, tổng nghĩa vụ nợ của ông Nguyễn Văn V tại BV B2 phát sinh từ hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017 là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng.

Ngày 03/01/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn BV B2 là bà Trần Thu T2 có Bản tường trình về việc trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017, ông Nguyễn Văn V có thể chấp cho Ngân hàng B2 tài sản là 01 xe tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO, số khung MMM148PKHH646859, số máy FX3G170801047, biển kiểm soát số 51D-159.90 theo Hợp đồng thế chấp động sản số 0714/00317/02A.HĐTCĐS ngày 11/8/2017. Tuy nhiên, hiện nay Ngân hàng B2 xác định chỉ yêu cầu khởi kiện về Hợp đồng tín dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp.

Do vậy, Ngân hàng B2 đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ tổng cộng là 1.402.702.733 đồng. Từ ngày 15/5/2025, ông V vẫn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông V hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho BV B2.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn V trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dưới đây nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do:

- Thông báo thụ lý vụ án số 208/TB-TLVA ngày 04/11/2024; Giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 06/11/2024 (đến Tòa án lúc 14 giờ 00 phút ngày 29/11/2024);
- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 208/2024/TB-TA ngày 29/11/2024; giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 29/11/2024 (đến Tòa án lúc 09 giờ 00 phút ngày 26/12/2024);
- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 208/2024/TB-TA ngày 26/12/2024;
- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2024/QĐXXST-DS ngày 26/12/2024; Giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 26/12/2024 (đến Tòa án lúc 14 giờ 00 phút ngày 24/01/2025);
- Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS-HPT ngày 24/01/2025 (thời gian và địa mở lại phiên tòa Tòa án sẽ thông báo sau);
- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 05/2/2025 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/02/2025); Giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 05/02/2025 (đến Tòa án lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/02/2025).
- Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 208-1/2025/QĐST-DS ngày 28/02/2025;

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 (tham gia phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2025); Giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 14/4/2025 (đến Tòa án lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2025).

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Phan Thị Kim T1 trình bày vẫn giữ nguyên việc khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn V; đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn V thanh toán cho BV B2 theo Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017 tạm tính đến ngày 14/5/2025 là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng. Giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng của V2, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng theo Đơn đề ngày 29/11/2024. Ngoài ra, từ ngày 15/5/2025, ông V vẫn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông V hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho BV B2. Giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi cơ cấu 4.562.008 đồng theo Đơn đề ngày 28/02/2025.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn V phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số tiền là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng. Ông V vẫn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông V hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho BV B2 từ ngày 15/5/2025. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn V phải chịu; Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi cơ cấu 4.562.008 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng của V2, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trình bày tranh luận của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (Sau đây gọi tắt là BV B2) khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017. Hợp đồng tín

dụng được thực hiện tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh S, địa chỉ 867 – H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, việc nguyên đơn lựa chọn thẩm quyền giải quyết vụ án theo Tòa án nơi các bên thực hiện hợp đồng là có căn cứ theo đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, ông Nguyễn Văn V cũng không thực tế cư trú tại C C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 (tham gia phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2025); Giấy triệu tập số 208-2/GTT-TA ngày 14/4/2025 (đến Tòa án lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2025). nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Tại đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số 4477A/24/BVBank/ĐĐN-QL&THN ngày 29/11/2024, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B1) đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn V về việc buộc thanh toán số nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng thẻ tín dụng hạn mức 35.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B1.

[3.2] Ngày 28/02/2025, BV B2 có “Đơn đề nghị về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện” đối với phần lãi cơ cấu 4.562.008 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B1.

[3.3] Đối với khoản nợ yêu cầu hiện nay của Ngân hàng B1 là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng B1 và ông Nguyễn Văn V; Bảng sao kê tài khoản giao dịch của ông V, Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng B1 và ông Nguyễn Văn V đã xác lập giao dịch dân sự về việc vay số tiền 703.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay 10,2% trong ba tháng đầu tiên, có điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng 4 với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh của VCCB + biên độ 3,8%/năm, lãi xuất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Mặc dù Giấy nhận nợ số 0714/00317/TDTL-CN ngày 14/8/2017 do ông Vũ K, Ngân hàng B1 chỉ cung cấp được bản photo có đóng mộc treo của ngân hàng nhưng căn cứ vào việc Ngân hàng B1 có giải ngân cho ông Nguyễn Văn V qua số tài khoản vay 0032262017008 và ông V có thực hiện thanh toán nợ vay theo một

số kỳ hạn cho thấy việc ông V đã xác nhận khoản nợ nêu trên và đồng ý với cách tính lãi cũng như các thỏa thuận về lãi suất theo Giấy nhận nợ số 0714/00317/TDTL-CN ngày 14/8/2017 của Ngân hàng B1.

Việc ông V vay tiền của Ngân hàng B1 là để mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO, số khung MMM148PKHH646859, số máy FX3G170801047, biển kiểm soát số 51D-159.90. Giữa Ngân hàng B1 và ông V có ký Hợp đồng thế chấp động sản số 0714/00317/02A.HĐTCĐS ngày 11/8/2017. Tuy nhiên, hiện nay Ngân hàng B1 xác định chỉ yêu cầu khởi kiện về Hợp đồng tín dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với Hợp đồng thế chấp động sản.

[3.4] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như bảng số phụ tài khoản tiền vay của ông Nguyễn Văn V cho thấy, khoản nợ 703.000.000 đồng được chia làm 84 kỳ trả nợ gốc với số tiền nợ gốc mỗi kỳ trả là 8.400.000 đồng, riêng kỳ cuối mức phải trả gốc là 5.800.000 đồng. Quá trình vay, ông V đã thanh toán được cho Ngân hàng B1 được 10 kỳ nợ gốc, mỗi kỳ là 8.400.000 đồng vào các ngày 04/10/2017, 01/11/2017, 06/12/2017, 11/01/2018, 30/01/2018, 13/3/2018, 10/4/2018, 09/5/2018, 18/6/2018, 22/8/2018. Tổng số tiền nợ gốc ông V đã thanh toán được cho Ngân hàng B1 là 84.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc hiện nay ông V còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 703.000.000 đồng - 84.000.000 đồng = 619.000.000 đồng (Sáu trăm mười chín triệu đồng). Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B1 về số nợ gốc 619.000.000 đồng.

[3.5] Về lãi suất trong hạn:

Căn cứ về biểu tính lãi suất do Ngân hàng B1 phát hành đối chiếu với Bảng tính lãi của Ngân hàng cho thấy từ thời điểm 26/6/2018 cho đến 13/8/2024, Ngân hàng B1 đã chốt số nợ gốc của ông V là 619.000.000 đồng và tính lãi trong hạn trong khoảng thời gian này với 12 mức lãi suất:

- Từ 26/6/2018 đến 13/5/2019: 11,8%/năm;
- Từ 14/5/2019 đến 13/8/2019: 12%/năm;
- Từ 14/8/2019 đến 13/02/2020: 12,3%/năm;
- Từ 14/02/2020 đến 13/5/2020: 12,2%/năm;
- Từ 14/5/2020 đến 16/11/2022: 12,3%/năm;
- Từ 17/11/2022 đến 16/02/2023: 13,3%/năm;
- Từ 17/2/2023 đến 16/5/2023: 14,3%/năm;
- Từ 17/5/2023 đến 16/8/2023: 14,8%/năm;
- Từ 17/8/2023 đến 16/11/2023: 13,8%/năm;
- Từ 17/11/2023 đến 18/02/2024: 13,3%/năm.
- Từ 19/02/2024 đến 16/5/2024: 12,3%/năm.
- Từ 17/5/2024 đến 13/8/2024: 11,3%/năm.

Tuy nhiên số tiền gốc từ thời điểm 26/6/2018 trở đi được Ngân hàng B1 áp dụng giảm dần theo số tiền gốc mặc định từng kỳ là 8.400.000 đồng chứ không áp dụng nguyên mức nợ gốc tại thời điểm 26/6/2018 là 619.000.000 đồng. Đây là cách tính có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công thức tính nợ lãi trong hạn như sau: Dư nợ gốc (ngày 26/6/2018 là 619.000.000 đồng; giảm dần 8.400.000 đồng mỗi kỳ) x lãi suất %/năm (tương ứng với 12 lần thay đổi lãi suất) x số ngày của từng kỳ : 365 ngày. Tổng cộng nợ lãi tron hạn được tính là 236.531.237 đồng, cần buộc ông Nguyễn Văn V thanh toán số tiền này cho Ngân hàng B1.

[3.6] Về lãi suất chậm trả lãi:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017 thể hiện: «b. Trường hợp Bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định nêu trên, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm hoặc một mức lãi suất khác do VCCB xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật (nếu có) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả »

Thỏa thuận này giữa Ngân hàng B1 và ông Nguyễn Hoàng V1 là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận việc Ngân hàng B1 yêu cầu lãi suất 10%/năm đối với số tiền lãi trong hạn mà ông V1 chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Cách tính lãi suất phạt chậm trả lãi trong hạn như sau: Thời điểm chậm trả lãi bắt đầu từ kỳ 26/7/2018 đến ngày 14/5/2025 (ngày xét xử vụ án), số tiền chậm trả lãi trong hạn để tính sẽ là số tiền của kỳ lãi trong hạn đầu tiên tức của kỳ 26/6/2018. Cách tính cụ thể: Số tiền lãi phạt chậm trả lãi = Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán x 10%/năm x số ngày chưa thanh toán. Tổng số tiền lãi chậm trả được tính là 111.671.196 đồng, cần buộc ông Nguyễn Văn V thanh toán số tiền này cho Ngân hàng B1.

[3.6] Về lãi suất quá hạn:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017 giữa BV B2 và ông Nguyễn Văn V cho thấy các bên có thỏa thuận mức lãi suất 150%/năm khi khoản vay chuyển nợ quá hạn. Theo đó, khoản vay chuyển quá hạn vào thời điểm 26/6/2018 với mức nợ gốc từng kỳ là 8.400.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất trong hạn nhân 150%. Cách tính như sau : 8.400.000 đồng x 150% mức lãi suất trong hạn x số ngày quá hạn : 365 ngày. Đối với lãi suất quá hạn, Ngân hàng tính theo từng kỳ quá hạn kể từ ngày quá hạn cho tới ngày xét xử. Riêng kỳ tháng 06 năm 2018 chỉ có 02 mốc thời gian tính lãi từ 26/6/2018 đến 13/8/2018 và từ 14/8/2018 đến 21/8/2018, do đến ngày 22/8/2018, ông Vũ Đ được 8.400.000 đồng nên đã chấm dứt kỳ này. Kể từ kỳ

quá hạn tháng 7 năm 2018, lãi quá hạn sẽ được tính từ ngày 26/7/2018 cho đến ngày xét xử (14/5/2025) và tương tự cho các kỳ tính tiếp theo. Đây là cách tính có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền lãi quá hạn được tính là 435.500.300 đồng, cần buộc ông Nguyễn Văn V thanh toán số tiền này cho Ngân hàng B1.

[3.6] Ông V không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà BV B2 yêu cầu được xem là ông V đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B2 với số nợ gốc, các khoản nợ lãi trong hạn, lãi chậm trả, lãi quá hạn mà Ngân hàng B2 yêu cầu ông V phải trả.

[3.7] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B2 đối với khoản nợ của hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/08/2017 của ông Nguyễn Văn V với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 14/5/2025/2025) là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng. Ông Nguyễn Văn V vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn V hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho BV B2.

[3.8] Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 09 năm 2018, ông V đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho BV B2 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của BV B2. Do vậy, cần buộc ông V thanh toán các khoản nợ làm một lần cho BV B2 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.9] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là BV B2 được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 (BV B2).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B1:

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 tổng số tiền là 1.402.702.733 đồng. Trong đó, nợ gốc là 619.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 236.531.237 đồng; Lãi chậm trả 111.671.196 đồng; Lãi quá hạn 435.500.300 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0714/00317/TDTL-CN ngày 11/8/2017 và Giấy nhận nợ số 0714/00317/TDTL-CN ngày 14/8/2017. Ông Nguyễn Văn V vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi ông Nguyễn Văn V hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B1.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn V về việc buộc thanh toán số nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng thẻ tín dụng hạn mức 35.000.000 đồng do Ngân hàng Thương mại cổ phần B1 rút một phần yêu cầu.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn V về việc buộc thanh toán lãi cơ cấu 4.562.008 đồng do Ngân hàng B1 rút yêu cầu này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Văn V chịu 54.081.082 đồng (Năm mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một nghìn, không trăm tám mươi hai đồng).

4.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng B1 số tiền 25.802.884 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, tám trăm tám mươi bốn đồng) theo Biên lai thu số 0036435 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng B1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Bích